ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM - CỐ VẤN HỌC TẬP
NĂM HỌC 2014-2015

STT	Họ và tên	Lớp sinh viên	Lớp sinh hoạt
Khoa Cơ khí			
1	Nguyễn Thái Bình	K45CCM.01 ÷ K45CCM.06	45M1
2	Bùi Thanh Hiền	K45CCM.07 ÷ 09; K1KC-HHT; K45CĐT.01; K45KCK.01 LT11CTM.01; 02	45M2
3	Ngô Minh Tuấn	K46CCM.01	46M1
4	Hoàng Trung Kiên	K46CCM.02	46M2
5	Hà Đức Thuận	K46CCM.03; K46CCM.04	46M3
6	Hoàng Trung Kiên	K46CCM.05	46M4
7	Nguyễn Thuần	K46CCM.06; K46CCM.07	46M5
8	Vũ Đức Vương	K46CĐT.01	46M6
9	Đinh Trọng Hải	K47CCM.03; K47CCM.04	47M1
10	Lưu Anh Tùng	K47CCM.05	47M2
11	Vũ Như Nguyệt	LT12CLK.01; T12CTM.01 LT13CTM.01	LT12
12	Dương Quốc Khánh	K47CĐT.01	47M3
13	Nguyễn Thế Đoàn	K48CCM.01; K48CCM.02	48M1
14	Dương Công Định	K48CĐT.01; K48CĐT.02	48M2
15	Bùi Ngọc Huyền	K45CLK.01; K45CVL.01 K46CLK.01; K46CVL.01	45M3
16	Hà Bách Tứ	K48CLK.01	48M3
17	Ngô Quốc Huy	K43 M	43M
18	Trần Minh Quang	K44M	44M
19	Lê Thị Phương Thảo	K46KCK.01	46M6
20	Nguyễn Văn Trang	K47CCM.01; K47CCM.02	47M4
21	Nguyễn Quang Hưng	K47KCK.01	47M5
22	Đặng Anh Tuấn	K48KCK.01	48M4

23	Lê Quang Duy	K49KC.01	K49KC.01
24	Đặng Văn Hiếu	K49KC.02	K49KC.02
25	Nguyễn Thị Kim Hoa	K49KC.03	K49KC.03
26	Nguyễn Thành Công	K49KC.04	K49KC.04
27	Nguyễn Ngọc Hà	K49KC.05	K49KC.05
28	Đỗ Thị Thu Hà	K49KC.06	K49KC.06
29	Ngô Văn An	K49CĐT.01	K49CĐT.01
Khoa Điện			
1	Nguyễn Thị Thanh Nga	K41I đến K44 I, LT 11 trở về trước	44I
2	Vũ Ngọc Kiên	K45I	45I
3	Nguyễn Thị Thu Hường	LT12, LT13, LT14	LT12
4	Đỗ Thị Phương Thảo	K46TĐH.01; K46TĐH.02	46I1
5	Nguyễn Hồng Quang	K46TĐH.03; K46TĐH.04	46I2
6	Nguyễn Duy Trường	K46HTĐ.01; K46HTĐ.02	46I3
7	Lê Thị Huyền Linh	K46KTĐ.01	46I4
8	Nguyễn T. Thu Hường	K46TBĐ.01	46I5
9	Bùi Tuấn Anh	K47TĐH.01; K47TĐH.02 K47TĐH.03; K47TĐH.04	47I1
10	Đoàn Kim Tuấn	K47HTĐ.01	47I2
11	Trần Thị Thanh Thảo	K47KTĐ.01	47I3
12	Trần Thị Thanh Nga	K47TBĐ.01	47I4
13	Trần Đức Quân	K48TĐH.01	48I1
14	Trương Quỳnh Như	K48TĐH.02	48I2
15	Vũ Văn Hùng	K48TĐH.03	48I3
16	Lê Tiên Phong	K48HTĐ.01	48I4
17	Dương Quốc Hưng	K48KTĐ.01	48I5
18	Vũ Xuân Tùng	K48TBĐ.01	48I6
19	Dương Thị Quỳnh Nga	K49KTĐ.01	49I1
20	Ngô Thanh Hải	K49KTĐ.02	49I2
21	Nguyễn Văn Huỳnh	K49KTĐ.03	49I3
22	Trần Thị Hải Yến	K49TĐH.01	49I4
23	Nguyễn Vĩnh Thụy	K49TĐH.02	49I5
24	Trần Ngọc Ánh	K49TĐH.03	49I6
25	Nguyễn Thị Phương Chi	K49TĐH.04	49I7
26	Nguyễn Đức Tường	K49HTĐ.01	49I8

27	Cao Xuân Tuyển	K49TBĐ.01	49I9
Khoa Điện tử			
1	Nguyễn Trọng Toản	K46ĐĐK.01; K46ĐĐK.02	46DT1
2	Phạm Duy Khánh	K46KĐT.01; K46KĐT.02	46DT2
3	Phùng Thị Thu Hiền	K46KMT.01; K47KMT.01 K48KMT.01	46DT3
4	Trần Anh Thắng	K46ĐVT.01	46DT4
5	Nguyễn Văn Chí (E)	K47ĐĐK.01; K47ĐĐK.02	47DT1
6	Ngô Phương Thanh	K49ĐĐK.01	49DT1
7	Nguyễn Hoàng Việt	K47KĐT.01; K47KĐT.02	47DT2
8	Phan Thanh Hiền	47ĐVT.01	47DT3
9	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	K48KĐT.01	48DT1
10	Lê Duy Minh	K48ĐVT	48DT2
11	Phạm Văn Thiêm	K48ĐĐK.01	48DT3
12	Nguyễn Thị Hải Ninh	K49ĐTT.01; K49ĐTT.02	49DT.01
13	Đặng Thị Hiên	K49KMT.01	49DT2
14	Nguyễn T. Thanh Quỳnh	K41 ÷ K45	K45DT
Khoa Xây dựng & Môi trường			
1	Phạm Thị Hồng Hà	K41 ÷ K45 KXC K41 ÷ K45 KTM	45X
2	Dương Việt Hà	K46KXC.01; K46KXC.02	46X
3	Tòng Thu Hương	K47KXC.01; K47KXC.02	47X
4	Nguyễn Văn Luân	K48KXC.01; K48KXC.02	48X1
5	Hà Thanh Tú	K48KXG.01; K45KXG.01 LT10 đến 12 KXC + KTM, LT14KXC	48X2
6	Nhữ Thị Lan Hương	K49KXC.01; K49KXC.02	49X1
7	Nguyễn Trần Hưng	K46KTM.01 ÷ K49KTM.01	49X2
Khoa Kinh tế Công nghiệp			
1	Ma Thế Ngàn	K44	K44
2	Ma Thị Thu Thủy	K48KTN.01, LT14KTN.01	48T1
3	Nguyễn Thu Ngân	K47KTN.01	47T1
4	Nguyễn Hồng Nhung	K47QLC.01	47T2
5	Vũ Thị Hồng Vân	K48QLC.01	48T2
6	Nguyễn Thị Hồng	K49KTN.01; K49KTN.02	K49T.01

Khoa Sư phạm kỹ thuật			
1	Trần Thị Vân Anh	K46SKĐ.01 K47SKĐ.01	46S1
2	Phạm Thanh Cường	K44SK	44S1
3	Nguyễn Thị Linh	K46SKT	46S2
4	Bùi Đức Việt	K46SCK.01	46S3
5	Lý Việt Anh	K1CN- CTM.01	K1CTM
6	Đỗ Công Thành	K1CN- ĐĐT.01	K1ĐĐT
7	Nguyễn Thị Ngọc Linh	K49SK.01	
8	Nguyễn Thị Ngọc Linh	K2CN- CTM.01; K50SK.01	
9	Dương Bích Phượng	K2CN-ĐĐT.01; K2CN-Đ ĐT.02	
Khoa Kỹ thuật ôtô & Máy động lực			
1	Nguyễn Minh Châu	K46CĐL.01	46D1
2	Hoàng Anh Tấn	K47CĐL.01	47D1
3	Lê Văn Quỳnh	K1CN -KTO.01	K1KTO
4	Nguyễn Minh Châu	K48CĐL.01	48D1
Khoa Quốc tế			
1	Đinh Văn Tiệp	K50AP (NV1)	K50AP (NV1)
2	Nguyễn T Minh Trang	K50AP (NV1)	K50AP (NV1)
3	Trần Thái Trung	K50AP (NV2)	K50AP (NV2)
4	Nguyễn Hồng Quân	K45AP	K45AP
5	Nguyễn Minh Ý	K46AP.I	K46AP.I
6	Vũ Quốc Việt	K46AP.M	K46AP.M
7	Trần Quế Sơn	K47AP.I	K47AP.I
8	Lê Văn Nhất	K47AP.M	K47AP.M
9	Vũ Ngọc Huy	K48AP.I	K48AP.I
10	Phan Thị Phương Thảo	K48AP.M	K48AP.M
11	Nguyễn Huy Toán	K49AP.I	K49AP.I
12	Nguyễn Văn Lanh	K49AP.M	K49AP.M
Khoa Khoa học Cơ bản			
1	Trần Thu Hằng	K50KC.01; K50KC.02	K50K1
2	Vũ Thị Hoa	K50KC.03; K50KC.04	K50K2

3	Trương Đức Huy	K50CĐT.01; K50CVL.01	K50K3
4	Nguyễn Thị Lý	K50ĐĐT.01; K50ĐĐT.02	K50K4
5	Lưu Thanh Nga	K50ĐĐK.01; K50KMT.01	K50K5
6	Nguyễn Thị Thu Hoàn	K50ĐTT.01; K50ĐTT.02	K50K6
Bộ môn Lý luận Chính trị			
1	Phạm Thị Cẩm Ly	K50TĐH.01; K50TĐH.02	K50K7
2	Nguyễn Thị Nga	K50KXC.01; K50KTM.01	K50K8
3	Hoàng Thị Hải Yến	K50CĐL.01 K2CN-KTO.01	K50K10
4	Trương Thị Thùy Liên	K50KTN.01; K50QLC.01	K50K11
5	Trương Vũ Long	K50ĐĐT.03; K50TĐH.03	K50K12
6	Ngô Thị Phương Thảo	K50KC.05	K50K13
7	Nguyễn Nam Hưng	K50CĐT.02	K50K14